TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DSST
Ngày: 19- 9- 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hường

2. Ông Nguyễn Văn Diệu

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST- DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội; địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th- Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến D- Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Thái Bình *(Văn bản uỷ quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội và văn bản uỷ quyền số 03/QĐ-NHCS ngày 22/5/2018 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Thái Bình)*

- Bị đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1943

Địa chỉ: Số nhà .., ngõ , tổ .., khu .., thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Vũ Đình T, sinh năm 1927 (bị tai biến mạch máu não không có khả năng nhận thức được hành vi)

* Người đại diện hợp pháp cho ông Tiêu: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1943 (vợ ông T)

Đều ở địa chỉ: Số nhà .., ngõ .., tổ .., khu .., thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Ông D và bà Th có mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tiến D trình bày:

Ngày 07/11/2008 gia đình bà Lê Thị Th được Tổ tiết kiệm và vay vốn do ông Ngô Thanh L làm tổ trưởng, thuộc Hội phụ nữ thị trấn Q là đơn vị nhận uỷ thác vốn vay trực tiếp quản lý, bình xét cho vay chương trình tín dụng Học sinh sinh viên và đã được UBND thị trấn Q, huyện Q phê duyệt, đề nghị Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q cho vay đối với sinh viên Vũ Thị Vân A, sinh năm 1990, học tại Trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Thái Bình với tổng số tiền là 24.000.000 đồng.

Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân cho vay Học sinh sinh viên đối với gia đình bà Lê Thị Th đúng quy trình, quy định của Ngân hàng, được thể hiện thông qua toàn bộ hồ sơ vay vốn của gia đình bà Lê Thị Th. Tại Sổ vay vốn và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ đứng tên người vay là bà Lê Thị Th; người thừa kế là ông Vũ Đình T (chồng bà Th); Thời hạn vay: 84 tháng kể từ ngày 22/11/2008 đến ngày 22/11/2015; lãi suất vay 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất khi cho vay. Giữa Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Thái Bình và hộ gia đình bà Lê Thị Th khi ký kết cho vay tiền bằng tín chấp, không có bảo đảm bằng tài sản.

Bà Lê Thị Th đã trực tiếp ký nhận tiền vay với Ngân hàng tại 05 phiếu chi giải ngân với tổng số tiền là 20.900.000 đồng (Hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng), gồm: Phiếu chi ngày 22/11/2008 là: 4.000.000 đồng; phiếu chi ngày 22/3/2009 là: 4.000.000 đồng; phiếu chi ngày 22/10/2009 là: 4.300.000 đồng; phiếu chi ngày 22/4/2010 là: 4.300.000 đồng; phiếu chi ngày 22/9/2010 là: 4.300.000 đồng.

Ngày 22/11/2015 số tiền vay đã đến hạn trả nợ theo quy định, bà Lê Thị Th đã có đơn đề nghị gia hạn và được Ngân hàng đồng ý cho gia hạn thêm 06 tháng. Đến ngày 22/6/2016 bà Th không trả nợ theo cam kết nên khoản tiền vay chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã thông báo cho gia đình bà Lê Thị Th thực hiện việc trả nợ nhưng gia đình bà Lê Thị Th không chịu trả nợ. Ngân hàng và chính quyền địa phương đã nhiều lần xuống làm việc với gia đình bà Th bằng biên bản làm việc để đôn đốc thu hồi nợ nhưng

bà Th không thực hiện việc trả nợ Ngân hàng và không nhận nợ hai kỳ cuối với tổng số tiền 8.600.000 đồng (*Phiếu chi ngày 22/4/2010 là: 4.300.000 đồng và Phiếu chi ngày 22/9/2010 là: 4.300.000 đồng*).

Hiện bà Lê Thị Th còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 20.900.000 đồng; số tiền lãi trong hạn là 8.093.000 đồng (từ ngày 22/11/2008 đến ngày 22/6/2016); số tiền lãi quá hạn là 3.658.260 đồng (từ 23/6/2016 đến ngày 19/9/2018). Để đảm bảo thu hồi tài sản cho Nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu Toà án buộc bà Lê Thị Th phải trả nợ cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q toàn bộ số nợ gốc 20.900.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử là 11.751.260 đồng (làm tròn số 11.751.000 đồng), tổng cộng là: 32.651.000 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn đồng), cùng tiền lãi phát sinh cho đến khi tất toán hết khoản nợ.

Bị đơn là bà Lê Thị Th tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà đã trình bày: Cháu nội bà là Vũ Thị Vân A, sinh năm 1990 ở cùng hộ khẩu với bà từ bé, khi đó bố mẹ cháu Vân A ở trong Tây Nguyên. Tháng 8/2008 cháu Vân A thi đỗ và nhập học vào trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Thái Bình, thời gian ra trường vào tháng 7/2011. Sau khi cháu Vân A nhập học, bà đã đứng tên ký số vay vốn ưu đãi học sinh sinh viên tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quỳnh Phụ để cho cháu Vân Anh đi học; lúc đó ông Vũ Đình T là chồng bà ký sổ là người thừa kế vay tiền học sinh sinh viên. Theo quy định của Nhà nước cho vay ưu đãi sinh viên học Cao đẳng là 4.300.000 đồng/06 tháng (một năm 02 lần lấy tiền), được vay trong 03 năm (06 lần lĩnh tiền). Bà đã lĩnh tiền 03 lần, mỗi lần là 4.300.000 đồng đều do Ngân hàng phát tiền tại UBND thị trấn Q, đến lần thứ 4 bà không được lĩnh tiền, bà hỏi ông Ngô Thanh L thì ông L bảo là bà già rồi nên họ sợ không lấy được tiền nên họ cắt. Bà không nhớ cụ thể thời gian từng lần lĩnh tiền vay nhưng tổng cộng bà chỉ lĩnh 03 lần tiền ưu đãi học sinh sinh viên, mỗi lần 4.300.000 đồng, tổng cộng 03 lần là 12.900.000 đồng. Sau khi vay vốn được vài tháng bà có mang tiền đi trả nhưng họ bảo chưa đến thời hạn trả nên họ chưa thu. Giờ bà già yếu, phải chăm chồng bị tai biến nằm liệt, bà không làm ra tiền và không có khả năng trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: *Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội, buộc bà Lê Thị Th và ông Vũ Đình T (người đại diện hợp pháp cho ông T là bà Lê Thị Th) có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Q. Bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng chính sách xã hội và bà Lê Thị Th là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc uỷ quyền của Ngân hàng chính sách xã hội uỷ quyền cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Thái Bình khởi kiện bà Lê Thị Th là đúng quy định của pháp luật và được Toà án chấp nhận. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Đình T hiện đang bị tai biến mạch máu não không có khả năng nhận thức và bà Th nhận làm người đại diện hợp pháp cho ông T là phù hợp pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Thời điểm thụ lý và giải quyết vụ án thì Bộ luật dân sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, giao dịch dân sự đã được thực hiện xong trước ngày Bộ luật này có hiệu lực (ngày 01/01/2017). Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét hợp đồng vay tài sản giữa hộ gia đình bà Lê Thị Th với Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Thái Bình được xác lập qua sổ vay vốn; giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sản xuất và khế ước nhận nợ trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị lừa dối, ép buộc, tuân thủ theo quy định tại Điều 121, 122 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết khi ký vay vốn. Bà Th đã ký hợp đồng vay vốn ưu đãi học sinh sinh viên của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Thái Bình từ năm 2008 và số tiền vay nợ đó kéo dài nhiều năm nay, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo thu hồi nợ quá hạn, đã tạo điều kiện cho bà Th gia hạn nợ nhưng đến nay bà Th vẫn cố tình không trả nợ như cam kết đã ký. Về phía bà Th chỉ xác nhận có vay vốn ưu đãi học sinh sinh viên của Ngân hàng 03 lần giải ngân, mỗi lần giải ngân là 4.300.000 đồng, tổng cộng số tiền vay Ngân hàng là 12.900.000 đồng. Bà Th không chấp nhận 02 lần giải ngân của Ngân hàng, mỗi lần 4.000.000 đồng, tổng cộng là 8.000.000 đồng. Đồng thời đến nay, bà Th cho rằng bà không có khả năng trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Tuy nhiên, việc bà Th không chấp nhận 02 lần giải ngân, mỗi lần 4.000.000 đồng là 02 lần giải ngân ngay sau khi bà Th ký hợp đồng vay vốn với ngân hàng, sau đó Ngân hàng mới điều chỉnh vốn cho vay theo quy định tăng lên là 4.300.000 đồng trong mỗi đợt giải ngân. Bà Th đã 05 lần nhận tiền vay vốn của Ngân hàng thể hiện qua 05 phiếu chi và hệ thống sổ theo dõi vay vốn của Ngân hàng cũng như trong sổ vay vốn do bà Th đang quản lý. Vì vậy, Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện bà Lê Thị Th là hoàn toàn có căn cứ.

Bà Lê Thị Th và ông Vũ Đình T là quan hệ vợ chồng. Bà Th đã đứng tên giao kết hợp đồng vay vốn theo chương trình tín dụng Học sinh sinh viên để chi phí học tập cho cháu nội là Vũ Thị Vân A. Đây là khoản vay nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên theo quy định tại theo Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, bà Th và ông T phải có trách nhiệm đối với nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với khoản vay này.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo luật định, cần xử buộc bà Lê Thị Th và ông Vũ Đình T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Thái Bình số tiền nợ gốc 20.900.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/9/2018) là 11.751.000 đồng, tổng cộng là: 32.651.000 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao để tính tiền lãi chậm trả.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị Th là bên vi phạm hợp đồng vay tài sản nên bà Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội khởi kiện đối với bà Lê Thị Th.

Buộc bà Lê Thị Th và ông Vũ Đình T (người đại diện hợp pháp cho ông T là bà Lê Thị Th) phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Q, tỉnh Thái Bình số tiền nợ gốc là 20.900.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/9/2018) là 11.751.000 đồng, tổng cộng là: 32.651.000 đồng (Ba mươi hai triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn đồng).

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay."

2. Về án phí: Bà Lê Thị Th phải chịu 1.632.500 đồng (*Một triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Quỳnh Phụ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thế Hùng